

Tiểu luận kinh tế chính trị

**QUAN HỆ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG
NỀN KINH TẾ CHUYỂN ĐỔI. Ý NGHĨA VÀ
ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG CHO VIỆT NAM**

MỞ ĐẦU	1
Chương I. Quan hệ sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi.....	4
1.1. Quan niệm về nền kinh tế chuyển đổi.....	4
1.2. Đặc thù quan hệ sản xuất nông nghiệp trước chuyển đổi.....	5
1.3. Quan hệ sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi.....	9
<i>1.3.1 Cải cách quan hệ sở hữu đất đai ở Liên bang Nga.....</i>	<i>10</i>
<i>1.3.2. Sự biến đổi của QHSH đất đai và hình thức kinh doanh nông nghiệp ở một số nước Đông Âu.....</i>	<i>14</i>
<i>1.3.3. Các hình thức kinh doanh nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi.....</i>	<i>15</i>
Chương II. Ý nghĩa và định hướng vận dụng cho Việt Nam	
2.1. Ý nghĩa.	18
<i>2.1.1. Về xác định mục tiêu của cải cách ruộng đất.....</i>	<i>18</i>
<i>2.1.2. Về xây dựng thể chế của cải cách ruộng đất.....</i>	<i>18</i>
<i>2.1.3. Chú trọng phát triển khoa học& công nghệ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp</i>	<i>19</i>
<i>2.1.4. Về hình thành và phát triển những chủ thể và hình thức kinh doanh mới trong nông nghiệp</i>	<i>19</i>
<i>2.1.5. Về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của nhà nước trong quá trình chuyển đổi.....</i>	<i>20</i>
2.2. Định hướng vận dụng cho Việt Nam khi nghiên cứu quan hệ sản xuất nông nghiệp trong các nền kinh tế chuyển đổi.	22
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	31

MỞ ĐẦU

Những thập niên cuối cùng của TK XX các nước khu vực Trung- Đông Âu và Châu Á đã diễn ra quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường của hơn 30 nước trên thế giới. Quá trình chuyển đổi ấy với nhiều nội dung khác nhau trong đó một trong những nội dung quan trọng là chuyển đổi kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi.

Việt Nam bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát điểm từ một nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu. Đại bộ phận dân số sống ở nông thôn và làm nông nghiệp, số hộ nghèo ở nông thôn còn nhiều, chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị ngày càng lớn cản trở sự phát triển kinh tế xã hội, làm phát sinh nhiều tiêu cực, tệ nạn trong xã hội... Vì vậy, có thể nói chuyển đổi kinh tế nông nghiệp là vô cùng cần thiết. Đó cũng là lý do tại sao tác giả lại chọn đề tài: **“Quan hệ sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi. Ý nghĩa và định hướng vận dụng cho Việt Nam”** làm tiểu luận.

Trên cơ sở lý luận về kinh tế chuyển đổi, đặc thù của quan hệ sản xuất nông nghiệp học viên rút ra ý nghĩa và định hướng vận dụng của Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu của đề tài là các phương pháp nghiên cứu của khoa học chuyên ngành kinh tế chính trị như trừu tượng hóa khoa học, logic kết hợp lịch sử, phân tích, thống kê. Đồng thời dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin như: duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các quan điểm đường lối phát triển kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam và một số phương pháp nghiệp vụ khác nhằm phân tích và làm rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn .

Chương I. QUAN HỆ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ CHUYỂN ĐỔI

1.1. Quan niệm về nền kinh tế chuyển đổi

Những thập niên cuối cùng của thế kỷ XX được ghi dấu bởi sự xuất hiện dạng đặc thù kinh tế – nền kinh tế quá độ, gắn với sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường diễn ra trong nhiều nước đã từng lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa với mô hình nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Được áp dụng và thực hiện ở Liên Xô, một số nước Đông Âu, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Cu Ba, Lào, Việt Nam và một số nước thuộc thế giới thứ ba.

Quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế đã chịu ảnh hưởng mạnh bởi các điều kiện kinh tế xã hội của mỗi nước. Do điều kiện mỗi nước khác nhau nên quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường của mỗi nước cũng được áp dụng mô hình kinh tế chuyển đổi khác nhau. Chẳng hạn Liên Bang Nga và một số nước Đông Âu, Nam Tư thực hiện quá trình chuyển đổi kinh tế nhanh hơn và quyết liệt hơn. Trung Quốc và Việt Nam thực hiện quá trình chuyển đổi theo từng giai đoạn, từng bước, từng thời kỳ nhất định. Từ đó hình thành những nền kinh tế chuyển đổi là nền kinh tế chuyển từ mô hình nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang mô hình mô hình kinh tế thị trường trên cả hai phương diện lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Nền kinh tế chuyển đổi, xét về bản chất nội dung là tình trạng đặc biệt và hình thức đặc thù của sự thay đổi của hệ thống kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ từ nấc thang cũ sang nấc thang mới. Nền kinh tế chuyển đổi đặc trưng như là tình trạng “trung gian”, “giao thời” từ hệ thống kinh tế - xã hội cũ sang hệ thống kinh tế - xã hội mới. Đây cũng là thời kỳ của những chuyển đổi cách mạng, bước ngoặt, những cải tạo gốc rễ của cả đời sống xã hội và tư tưởng... Nó chịu sự tác động mạnh mẽ của các nhân tố bên ngoài hệ thống và

các quy luật nằm ngoài hệ thống, để có thể chuyển sang hệ thống kinh tế - xã hội mới.

Vì vậy, vai trò “bà đỡ”, “mở đường” của các thành tố tư tưởng, chính trị, chính sách... (thuộc kiến trúc thượng tầng) có ảnh hưởng mạnh trong nền kinh tế chuyển đổi.

Quá trình chuyển đổi kinh tế còn là một thời kỳ lịch sử lâu dài, phức tạp và đa dạng. Ở đó diễn ra sự hình thành và phát triển của hệ thống KH – XH mới và sự suy tàn của hệ thống kinh tế – xã hội cũ.

1.2. Đặc thù quan hệ sản xuất nông nghiệp trước chuyển đổi

Có lẽ không ở đâu trên thế giới, nông dân được tổ chức chặt chẽ như ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây với cả mục tiêu quản lý chính trị và kế hoạch hóa kinh tế. Tại Liên Xô, chương trình tập thể hóa bắt đầu từ năm 1929 đến 1937, có 99% nông dân đã trở thành nông trang viên và nông trường viên.

Trong quá trình phát triển, rất nhiều nông trang tập thể chuyển dần cung cách quản lý sang hình thức nông trường với đời sống và cung cách làm việc như công nhân nông nghiệp. Mặc dù quy mô các đơn vị này rất lớn, được đầu tư trang bị và kết cấu hạ tầng lớn từ ngân sách chính phủ, nhân viên được hưởng chế độ lương và phúc lợi xã hội, nhưng cách quản lý này không còn phù hợp với sản xuất nông nghiệp. Có thể nói các nước có nền kinh tế chuyển đổi thực hiện ở lĩnh vực nông nghiệp rất khó khăn trong việc áp dụng cơ chế kinh tế thị trường trong hai lĩnh vực nhạy cảm là lương thực và đất đai.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đã hình thành tổ hợp kinh tế nông – công nghiệp với ba lĩnh vực cơ bản: chế tạo máy cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hóa chất, sản xuất thức ăn chăn nuôi; hệ thống dịch vụ nông nghiệp, tưới tiêu; trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp chế biến, vận chuyển, bảo quản, tiêu thụ nông sản.

Thực tiễn cho thấy, Liên Xô, Cộng Hòa Dân Chủ Đức, Tiệp Khắc là những nước chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế kỹ thuật hiện đại nhất trong các nước chủ nghĩa xã hội .

Đặc biệt là Liên Xô đã cung cấp cho các nước chủ nghĩa xã hội khác những tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, các thiết bị máy móc, quặng sắt, than, dầu, lương thực, thực phẩm, vay vốn với lãi suất thấp... tạo điều kiện cho các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội . Bởi vì, các nước chủ nghĩa xã hội còn lại đều xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến. Hình thành hệ thống đào tạo nhân lực cho tổ hợp này với xu hướng giảm về tỷ trọng. Trong thời kỳ chuyển đổi kinh tế cần cải cách quan hệ sở hữu, trước hết về đất nông nghiệp

Trước chuyển đổi quan hệ sản xuất nông nghiệp dựa trên sở hữu nhà nước về đất đai và tập thể về những tư liệu sản xuất khác, xóa bỏ quan hệ thị trường, các chủ thể kinh doanh chủ yếu là nông trường, hợp tác xã , nông trang. Liên Xô và Mông Cổ thực hiện quốc hữu hóa ruộng đất để xây dựng nông trường; chỉ dành một phần nhỏ 14% chia cho nông dân sử dụng, chứ không có quyền sở hữu. Còn các nước: Chdc Đức, Ba Lan, Trung Quốc, Việt Nam thì tiến hành cải cách ruộng đất . Nghĩa là, sau khi xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ thì đem chia ruộng đất cho nông dân vừa sở hữu vừa sử dụng, đáp ứng yêu cầu: *“người cày có ruộng”*. Để nâng cao trình độ kỹ thuật của sản xuất ở Liên Xô đã thành lập những trạm máy kéo hỗ trợ nông trang. Sở hữu tập thể thể hiện phi hiệu quả, trong khi kinh tế trang trại ở các nước Tư bản công nghiệp phát triển lại có hiệu quả.

*** Về cơ chế kinh tế hợp tác hóa**

- Hợp tác hóa ở các nước tư bản công nghiệp chỉ thực hiện ở các khâu đầu vào và đầu ra của sản xuất. Hợp tác hóa ở các nước chủ nghĩa xã hội thực hiện từ khâu đầu đến khâu cuối dưới sự chỉ đạo của nhà nước, chính quyền địa phương thông qua công cụ kế hoạch hóa tập trung cao độ, với nhiều chỉ tiêu pháp lệnh, mệnh lệnh về: sản xuất , sản lượng, chủng loại; phân phối,

trao đổi, giá thu mua, tiền công và tiêu dùng trong toàn xã hội cũng như từng ngành, từng lĩnh vực. trong thời kỳ này, các quan hệ hàng hóa – tiền tệ bị coi nhẹ hoặc bị phủ nhận; nền kinh tế mang tính trao đổi hiện vật trực tiếp; hạch toán kinh tế được thực hiện, nhưng mang tính chất hình thức;

=> cơ chế kinh tế hợp tác quản lý theo chế độ tập trung quan liêu, báo cáo được thực hiện phổ biến.

Do đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi nước khác nhau nên quá trình hợp tác hóa ở các nước cũng khác nhau: đối với các nước đã xây dựng cơ bản kết cấu kinh tế – xã hội nhất định, công nghiệp hóa cơ bản (Như Liên Xô, CHDC Đức, Tiệp Khắc), thì hợp tác hóa thường gắn với cơ giới hóa. Đối với các nước xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu (Trung Quốc, Chdcnd Triều Tiên, Việt Nam), thì hợp tác hóa được tiến hành trước cơ giới hóa, song song với thủy lợi hóa, cải tiến kỹ thuật...

+ Về hình thức hợp tác hóa nông nghiệp:

Liên xô và một số nước Đông Âu có hình thức tổ cày chung, nông trang tập thể... Trung Quốc có các hình thức tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp, hợp tác xã bậc cao, công xã nhân dân. Việt Nam có hình thức tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp và hợp tác xã bậc cao.

Đến đầu những năm 1960, đa số các nước chủ nghĩa xã hội đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp (tỷ lệ tb 90% hộ nông dân tham gia hợp tác xã). Như vậy, quan hệ sản xuất chủ nghĩa xã hội trong nông nghiệp được hình thành, nhưng chủ yếu mới thay đổi từ chế độ tư hữu thành chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất. Song, do thực hiện chủ quan, nóng vội trong thời gian ngắn, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, cũng như kinh tế hợp tác xã không vững chắc, hiệu quả trong thời gian ngắn và kém hiệu quả nếu duy trì lâu dài...

- Nguyên nhân hiệu quả thấp:

+ Chưa tìm ra sự kết hợp hài hòa giữa sở hữu nhà nước về đất đai, kỹ thuật và sở hữu tập thể.

+ Nhà nước thực thi các chính sách buộc nông nghiệp, nông dân phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, quân sự hóa nền kinh tế .

+ Biểu hiện của nền kinh tế : tính thiếu hụt về sản phẩm tiêu dùng.

*** Tác động của đổi mới chính sách đối với nông nghiệp:**

Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung : Được vận hành theo cơ chế hành chính mệnh lệnh không cho phép phân bổ sử dụng vốn đầu tư hợp lý; Việc cấp hộ chiếu cho nông dân gây ra xu thế chảy máu nhân lực từ nông thôn ra thành thị, làm cho nông nghiệp khủng hoảng nghiêm trọng: Gia tăng mâu thuẫn giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Trình độ sản xuất nông nghiệp thấp, giá thu mua nông sản thấp, năng suất, tiền công thấp, quản trị yếu kém, xuất hiện xu thế bỏ hoang đất nông nghiệp; *nhận thức về công bằng trong sản xuất và phân phối gây cản trở sáng kiến cá nhân.* Nông nghiệp còn có đặc thù về tính mùa vụ, dễ tổn thương khi thời tiết khí hậu thay đổi. Không thực hiện quản lý giá cả theo thị trường nên làm giảm cầu về nông sản, hạ tầng nông nghiệp thấp kém, thể chế chưa hoàn thiện, không hấp dẫn đầu tư. Xu hướng đầu cơ đất, mở cửa thị trường nông sản trong điều kiện sức cạnh tranh của doanh nghiệp nông nghiệp thấp. Nhiều doanh nghiệp thua lỗ, tài chính doanh nghiệp bất ổn (Ở Nga 90% doanh nghiệp thua lỗ trong khi trung bình trong nền kinh tế là 40%).

Khi tổng bí thư Gorbachov tiến hành cải cách kinh tế trong thập kỷ 1980, Liên Xô đã bắt đầu áp dụng chính sách khoán cho đội sản xuất có quy mô 10 – 30 lao động , nhằm tạo động lực mới cho nông dân. Cách quản lý của nông trang tập thể, nông trường quốc doanh, hợp tác xã không huy động được tinh thần hăng say sản xuất của người lao động và nông dân.

Sau 1987, chủ trương khoán hộ và giao đất tập thể cho nông dân được hợp thức hóa, tỷ lệ nông trang viên tham gia cơ chế khoán đến đội sản xuất chỉ tăng từ 10% - 30%. sản xuất nông nghiệp tăng lên đáng kể nhưng chưa tạo được sự đột phá lớn trong sản xuất vì còn vướng bởi thương mại (*lưu thông hàng hóa*) chưa được tự do hóa. nhà nước tiếp tục nắm kế hoạch sản

xuất, đầu tư, quản lý phân phối vật tư và quyết định giá nông sản. Đến thập kỷ 1980, năng suất lao động của nông trang viên Liên Xô chỉ bằng 1/10 nông dân trong các trang trại của Mỹ, cũng giống như xã viên hợp tác xã ở Việt Nam mọi sức lực chỉ chăm chút cho mảnh đất “tăng gia của gia đình”. Cuối thập kỷ 1980, 3% “diện tích phụ gia đình” đã đóng góp tới 25% tổng sản lượng nông nghiệp.

Đến cuối năm 1990, Liên Xô ban hành Luật nông hộ cho phép nông hộ tư nhân được hoạt động, được thuê lao động, được sản xuất và bán sp ra thị trường song song với nông trang, nông trường. sản xuất lương thực sau thời gian khởi sắc, Liên Xô quay lại tư túc lương thức và cuối cùng phải nhập khẩu. Cho đến khi Liên Xô tan vỡ, nông sản thế giới rẻ hơn tràn vào, IMF và các tổ chức quốc tế buộc Nga phải cắt giảm trợ cấp cho nông nghiệp, nông dân lại chưa quen với sự cạnh tranh trên thị trường tự do, giảm giá thành, tăng chất lượng nông sản... Nông dân thiếu vốn, vật tư, phân bón, máy móc không có vật tư thay thế, đất canh tác giảm nhanh, sản xuất nông nghiệp suy giảm.

Khi chuyển sang cơ chế thị trường, tổ chức lại nông nghiệp với mục tiêu kinh tế là chính, Tổng thống Nga: Ensin chủ trương tái cấu trúc theo hướng thương mại hóa (*lưu thông hàng hóa*) mà không làm thay đổi toàn bộ quan hệ sản xuất ở nông thôn.

1.3. Quan hệ sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi.

Quan hệ sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi được đặc trưng bởi sự thay đổi về sở hữu đất đai: Từ nhà nước sang đa dạng gồm nhà nước và tư nhân. Chuyển đổi sở hữu tạo ra điều kiện cho các hình thức kinh doanh mới hình thành cạnh các doanh nghiệp nông nghiệp và tập thể kiểu cũ. Sự hình thành thị trường đất nông nghiệp tạo thuận lợi cho tập trung đất trong sản xuất nông nghiệp. Sở hữu tư nhân bước đầu thể hiện hiệu quả (hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI đầu tư vào sản xuất nông nghiệp). Việc giải tán các nông trang dẫn tới hình thành 2 hình thức kinh

doanh: Tư nhân và tập thể bên cạnh kinh tế phụ gia đình. Doanh nghiệp lớn hình thành từ chuyển đổi các nông trường (khác với Mỹ doanh nghiệp lớn chiếm 5% số lượng, 10% đất nông nghiệp, 60% sản lượng; Nga: chiếm 85% đất, 40% sản lượng). Tuy nhiên vai trò của Nhà nước cần phải điều tiết thị trường đất, chống đầu cơ.

1.3.1 Cải cách quan hệ sở hữu đất đai ở Liên bang Nga

- Về đất đai, Luật đất đai cũng ban hành vào cuối năm 1990, cho phép nông dân kế thừa mà không cho buôn bán đất.

* Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga (1991); đã diễn ra cải cách kinh tế sâu rộng nhằm xóa bỏ chế độ sở hữu độc quyền của nhà nước về tư liệu sản xuất, chuyển giao nhiều tài sản thuộc nhà nước trước đây vào sở hữu tư nhân hoặc sở hữu của các tổ chức ngoài nhà nước. Cải cách ruộng đất được coi là bộ phận quan trọng trong cải cách kinh tế, với nội dung chủ yếu là tư hữu hóa đất đai, từ bỏ độc quyền nhà nước về đất đai và chuyển sang chế độ sở hữu đất đai đa dạng về loại hình và hình thức.

Cơ sở lý luận chủ yếu của cải cách ruộng đất tại Liên Bang Nga từ năm 1991 là tư tưởng tự do kinh tế mới do một số học giả Nga và phương tây đề xuất. Tư tưởng này dựa trên ba quan điểm chủ yếu:

+ Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai: Ở Liên Xô trước đây sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước về cơ bản được hiểu đồng nhất) đã gây ra cản trở đối với phát triển nông nghiệp khi duy trì quá lâu nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung tập trung, nên hiệu quả sản xuất nông nghiệp không cao.

+ Để nâng cao hiệu quả kinh tế cần xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung và chuyển ngay sang kinh tế thị trường mà nền tảng của kinh tế thị trường phải là sở hữu tư nhân, trong đó có sở hữu tư nhân về đất đai.

+ Để thúc đẩy động lực kinh doanh trong nông nghiệp cần phải xác lập chế độ sở hữu tư nhân về đất đai, bởi lẽ chỉ có sở hữu tư nhân về đất đai mới đảm bảo tự do kinh doanh và tạo động lực cho sản xuất nông nghiệp phát triển.

Giữa thập kỷ 1990, Chính phủ Nga vẫn nắm *quyền phân phối nông sản, thu mua lương thực và trợ giá cho nông dân thông qua chính sách giá đảm bảo*. Ngay cả khi chính quyền TW đã rút khỏi nhiệm vụ này thì nhiều chính quyền địa phương vẫn tiếp tục nắm giữ. Năm 1995: sản xuất nông nghiệp xuống thấp nhất kể từ 1963: Số lượng chăn nuôi giảm 11%; trồng trọt giảm 5%; Năm 1998: Nông nghiệp ở Nga suy giảm nghiêm trọng; Năm 2003, Luật đất đai mới ban hành cho phép mua bán và sở hữu đất tư nhân. Ngay 2003, diện tích đất nông nghiệp của nông trang giảm đi hơn ¼ nhưng vẫn chiếm tới 68% tổng diện tích đất nông nghiệp. Năm 2004: Sản lượng lương thực vẫn chưa phục hồi mức trước khi Liên Xô tan vỡ, diện tích canh tác lương thực mất đi ¼ và vẫn tiếp tục giảm.

Vai trò thế chấp đất nông nghiệp mới được công nhận, nhưng quy định về hạn điền vẫn tồn tại (với mức cho phép mua đất của một cá nhân không vượt quá 10% diện tích đất nông nghiệp của huyện); Luật đất đai cũng dành cho chính quyền địa phương được quyền ưu tiên mua trước, (tư nhân chỉ mua khi chính quyền không có nhu cầu). Nông dân được khuyến khích tự do chọn lựa mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp (doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hộ hay giữ nguyên nông trang tập thể, nông trường quốc doanh).

Quá trình tái cơ cấu nông nghiệp diễn ra rất chậm, 30% đơn vị sản xuất giữ nguyên trạng đa số nông dân lo lắng trước tình trạng cạnh tranh gay gắt và đầy biến động của thị trường đã chọn con đường xây dựng doanh nghiệp chung hay hợp tác xã. Tuy vậy, cách hợp tác xã ra đời trong thời kỳ kinh tế sa sút không nhận được sự trợ giúp cần thiết của chính phủ và các cơ quan có liên quan. Mặt khác, nông dân chưa quen trước thị trường cạnh tranh khắc nghiệt. Do kết cấu tổ chức chậm thay đổi nên sản xuất nông nghiệp sa sút.

Tuy nhiên, cải cách ruộng đất tại Liên Bang Nga phần nhiều xuất phát từ động cơ chính trị nhằm thay đổi toàn bộ chế độ chủ nghĩa xã hội đã tồn tại ở Liên Bang Nga : Chính quyền tập trung thực hiện các biện pháp tư bản hóa nông nghiệp, khôi phục những quan hệ sở hữu tư nhân. Tư nhân hóa

đất đai được thực hiện đối với các loại đất khác (do Nhà nước và tập thể sở hữu). Trong quá trình cải cách ruộng đất đã thực hiện cả những biện pháp thúc đẩy sự hình thành sở hữu đất đai của chính quyền địa phương và tạo lập chế độ pháp lý để phân định sở hữu nhà nước: Chính sách giải thể và tư nhân hóa đất đai; Chính sách pháp lý của cải cách ruộng đất là hệ thống bộ luật, văn bản dưới luật; Chính sách tư nhân hóa đất đai của các nông trang, nông trường, những loại đất vườn, đất kinh tế phụ gia đình, đất xây dựng nhà ở cá nhân. Quy định trao quyền sở hữu phần đất miễn phí, chia tách phần đất không cần sự đồng ý của tập thể hoặc bộ máy nông trang, nông trường. Để phát triển kinh tế trang trại, nhà nước cho phép giao cả những đất đất rừng, cho phép tự quản lý phần đất, kể cả quyền thế chấp đất. Xác định cả trách nhiệm của lãnh đạo nông trang về việc gây cản trở đối với việc chia đất.

Tình hình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang hình thái kinh tế nông dân cá thể thông qua giải thể các nông trang, nông trường là công việc khó khăn hơn nhiều so với dự kiến. Trước những lý do:

- + Sự mong đợi về hiệu quả kinh tế cao của kinh tế nông trang đã không được thỏa mãn.

- + Nhà nước đã rơi vào tình trạng là không thể hỗ trợ kinh tế nông trang về kỹ thuật, tài chính ở mức cần thiết như mục tiêu kế hoạch.

Do đó, phải điều chỉnh và thực hiện cải cách ruộng đất :

*** Kết quả cải cách ruộng đất ở Liên bang Nga:** Tình trạng phá sản của các nông trang, nông trường (Khoảng 7 triệu ha đất nông nghiệp không được sử dụng), một phần ba diện tích đất đã chia cho các chủ nông trại bị bỏ hoang, nhập khẩu nông sản đạt mức 40%. Cuối thập kỷ 1990, một số dấu hiệu ổn định trong phát triển kinh tế nông trại: Nông nghiệp Nga bước đầu đã đảm bảo sự tăng trưởng ổn định, tăng trưởng sản xuất nông nghiệp năm 2013 so với năm 2005 lên tới 131,9%, với sản lượng đạt 3.790,8 tỷ Rúp. Duy trì mức tăng trưởng hàng năm khá cao, năm 2014 đóng góp 4% GDP, sử dụng 9,7% nguồn lao động, thu nhập của nông dân cũng được cải thiện. Theo cơ

quan thống kê Rosstat (Nga) công bố, từ tháng 7/2017 - tháng 6/2018): Nga thu hoạch được **135,393** triệu tấn ngũ cốc, trong đó có 85,9 triệu tấn lúa mì. Tổng thống V.Putin trong thông điệp liên bang cho biết, con số này vượt cả mức cao nhất dưới thời Liên Xô là **127,4** triệu tấn (1978). Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Nga Alexander Tkachev: Từ 1/7/2017 - 21/2/2018, Nga cung cấp 33,548 triệu tấn ngũ cốc cho thị trường nước ngoài, tăng 39,7% so với 2016. Đồng thời, xuất khẩu lúa mì tăng hơn 40% - 26,25 triệu tấn và kiều mạch là 2,9 triệu tấn. Khách hàng mua ngũ cốc của Nga là hơn 100 quốc gia trên thế giới, bao gồm Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh, Saudi Arabia, Indonesia, Azerbaijan, Nigeria...

Xuất khẩu nông sản nhiều hơn vũ khí

Theo Bloomberg, vụ mùa 2017-2018, xuất khẩu lúa mì của Nga tăng 30% so với năm ngoái (36,6 triệu tấn) và nước này sẽ trở thành nhà cung cấp lớn nhất trong vòng 100 năm qua.

Cho đến nay, kỷ lục này thuộc về Mỹ, vào năm 1992-1993, nước này đã xuất 36,8 triệu tấn lúa mì ra thị trường thế giới.

Theo thống kê hải quan, xuất khẩu lương thực và nông sản tăng 21,3% và đạt 20,7 tỷ USD, nhiều hơn xuất khẩu vũ khí, Tổng thống Putin cho biết.

*** Hạn chế:**

- . Việc làm ở nông thôn GĐ: 2000 - 2013 giảm từ 40% đến 23%.
- . 2013, tỷ lệ dân số nông thôn là 26% nhưng chiếm hơn 40% tổng số hộ nghèo cả nước.
- . Các giải pháp cho phát triển nông thôn trong chương trình Liên bang chưa có sự phối hợp tốt giữa các bộ, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện.
- . So với các nước phát triển, hỗ trợ của CP Nga dành cho nông nghiệp là thấp hơn nhiều.
- . Tình trạng di dân từ nông thôn đến đô thị làm giảm chất lượng nhân lực NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN.

*** Dự báo:**

Theo các chuyên gia: Phải có những đầu tư đáng kể cho sản xuất nông nghiệp phù hợp với đời sống thị trường để đến năm 2025 đạt được SL 150 triệu tấn ngũ cốc và 50 triệu tấn xuất khẩu .

1.3.2. Sự biến đổi của QSHH đất đai và hình thức kinh doanh nông nghiệp ở một số nước Đông Âu

Hunggari:

Về quyền sở hữu đất đai:

Ngày nay: 30% QSD đất thuộc về Chính phủ; 70% QSD đất là nông dân đi thuê lại của các chủ tư nhân sở hữu đất nhưng không trực tiếp sản xuất.

Trong đó: 45% là các trang trại tư nhân sản xuất nông nghiệp; 40,6% các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; Hơn 14% là các tổ chức (công an, quân đội, nhà thờ...).

Quá trình tập trung hóa đất đai vào tay các trang trại sản xuất diễn ra nhanh, gần 70% đất sản xuất nông nghiệp có quy mô trên 100 ha – thu nhập lớn, gần 21% đất sản xuất nông nghiệp có quy mô 10 – 100 ha – thu nhập lớn, Còn lại là hộ nông dân với quy mô dưới 1 ha – thu nhập thấp.

Với quy mô tập trung đất đai làm tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp nhưng cũng tạo ra sự chênh lệch về thu nhập ở nông thôn.

Năm 1989: Tổng đầu tư cho nông nghiệp 10% tổng đầu tư xã hội ;

Năm 1991: 4,8%, giá trị ngành chiếm hơn 14% GDP cả nước;

Năm 1994: 2,8% ; giá trị ngành chiếm 6% GDP cả nước;

Bởi vì: Chỉ phủ ưu tiên đầu tư cho công nghiệp và đô thị;

Còn đầu tư nông nghiệp chủ yếu dựa vào trợ cấp của khối EU.

Do đầu tư giảm, nông dân làm thuê trên đất của doanh nghiệp, mức phân bón giảm, diện tích nông nghiệp giảm, máy móc không được thay thế...

Tóm lại: Trước quá trình chuyển đổi là những biến động về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội ở nông thôn diễn ra sâu sắc. Đặc biệt, trong một thời gian: Sự suy giảm thấp nhất của sản xuất nông nghiệp, đời sống nông dân khó khăn... Đây không phải là sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhờ công nghiệp

và dịch vụ tăng trưởng nhanh mà phản ánh sự suy sụp của sản xuất nông nghiệp, không chú trọng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Bungari:

Trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung tập trung tiến hành hợp tác hóa nhưng khác với nhiều nước chủ nghĩa xã hội khi chuyển sang nền kinh tế chuyển đổi: Đất nông nghiệp không thuộc sở hữu nhà nước mà sở hữu tập thể; kinh tế hợp tác hoạt động sôi động và hiệu quả; Có nền nông nghiệp phát triển mạnh.

Thập kỷ 1950 hợp tác hóa đã làm cho nông nghiệp sa sút; Năm 1968: Cho phép hợp tác xã chủ động tổ chức sản xuất nông nghiệp, tham gia thị trường, không bị ràng buộc bởi các chỉ tiêu của nhà nước, mỗi hộ xã viên có 0,5 ha đất để sản xuất “kinh tế phụ gia đình”; trong nông trường quốc doanh, nông trường viên cũng được chia một phần diện tích tăng gia. Vì vậy, kinh tế hộ đóng góp đến 30% sản lượng nông nghiệp. Năm 1989: Nông nghiệp đóng góp 15,6% GDP; 21,7% giá trị xuất khẩu; thu hút 10,6% tổng đầu tư xã hội, tạo việc làm cho 17,4% lao động.

1.3.3. Các hình thức kinh doanh nông nghiệp trong nền kinh tế chuyển đổi

- Doanh nghiệp nông nghiệp

Là tổ chức kinh tế tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp, tham gia vào toàn bộ thị trường đầu vào và đầu ra, được tổ chức, hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp nông nghiệp: Công ty cổ phần, công ty hợp danh, TNHH, liên doanh, TNHH một thành viên;

Bản chất và đặc điểm của doanh nghiệp nông nghiệp là doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, được hình thành từ các hộ kd, các hợp tác xã và trang trại... các doanh nghiệp tham gia kinh doanh các sản phẩm phục vụ cho nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Các doanh nghiệp nông nghiệp thường có quy mô vừa và nhỏ, so với doanh nghiệp công

ng nghiệp, dịch vụ... doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp có chi phí sản xuất kinh doanh cao hơn.

Vai trò của doanh nghiệp có vị trí quan trọng tạo ra sản phẩm trong nước (GDP), chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân, tạo việc làm và thu nhập cho nông dân, ổn định đời sống xã hội ở nông thôn

-Hợp tác xã nông nghiệp: là tổ chức kinh tế tập thể của các cá nhân, các hộ, các tổ chức kinh doanh khác (doanh nghiệp), được tổ chức và hoạt động theo luật hợp tác xã. có 3 loại: hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; hợp tác xã kết hợp cả sản xuất và dịch vụ;

Bản chất của hợp tác xã là các cá nhân, tổ chức, hộ, doanh nghiệp kết hợp lại để sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong nông nghiệp, nhằm thỏa mãn nhu cầu sản xuất kinh doanh của các thành viên. hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự nguyện, bình đẳng, phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

Vai trò của hợp tác xã giúp cho hộ, tổ chức kinh tế khác tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện không thể tự mình thực hiện được, nâng cao sử dụng nguồn lực, ruộng đất, thủy lợi, máy móc, kho xưởng... hợp tác xã còn giúp tăng sức cạnh tranh của các thành viên trên thị trường và thực hiện các mục tiêu xã hội.

- Nông lâm trường quốc doanh: Là nông trại của kinh tế nhà nước, hạch toán và sử dụng ngân sách, phục vụ chủ yếu vì mục tiêu công ích; là nông trại của nhà nước, là công cụ cơ bản của nhà nước can thiệp vào kinh tế nông nghiệp;

Bản chất: thuộc thành phần kinh tế nhà nước, sử dụng ngân sách nhà nước, đơn vị phục vụ công ích, hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Vai trò: Góp phần tăng cường vai trò kinh tế của nhà nước trong lâm nghiệp. Thông qua nông trường, nhà nước thực hiện vai trò điều tiết sự phát triển kinh tế nông nghiệp, hoặc thực hiện các mục tiêu công ích như bảo tồn

quỹ gen, chống xói mòn, mục tiêu chính trị, được phát triển kinh tế xã hội ở các vùng biên giới, hải đảo.

- Kinh tế hộ gia đình và nông trại

Theo PAO, nông trại (Farm) Là một mảnh đất trên đó nông hộ thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ cho sinh kế của họ. Có thể phân theo 5 hình thức cơ bản dựa trên mục đích sản xuất, diện tích đất đai và mức độ phụ thuộc:

Loại 1: Nông trại gia đình có quy mô sản xuất nhỏ theo hướng tự cung tự cấp, tiêu thụ sản phẩm làm ra của nông trại, ít phụ thuộc vào thị trường.

Loại 2: Nông trại gia đình quy mô nhỏ, một phần sản xuất hàng hóa. mục tiêu sản xuất: tiêu thụ gia đình, thu nhập tiền mặt thông qua bán sản phẩm dư thừa so với tiêu dùng của gia đình.

Loại 3: Nông trại gia đình quy mô sản xuất nhỏ, chuyên môn hóa và độc lập, như: trồng trọt, chăn nuôi cụ thể. Mục tiêu: sản xuất hàng hóa và tiêu thụ gia đình nhưng ở mức chuyên môn hóa.

Loại 4: Nông trại gia đình quy mô nhỏ, sản xuất chuyên môn hóa nhưng ít phụ thuộc trong việc ra quyết định sản xuất.

Loại 5: Trang trại sản xuất hàng hóa.

Chương II. Ý NGHĨA VÀ ĐỊNH HƯỚNG VẬN DỤNG

CHO VIỆT NAM

2.1. Ý nghĩa

2.1.1. Về xác định mục tiêu của cải cách ruộng đất

Nhìn chung, công cuộc cải cách ruộng đất ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi đã cơ bản chuyển quyền sở hữu của địa chủ về tay nông dân, thực hiện được mục tiêu “*dân cày có ruộng*”. Quá trình tiến hành cải cách khá triệt để, công bằng; thành công theo mục tiêu chính trị của các nước chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên: Có phạm một số sai lầm trong phân định thành phần, còn tiến hành rập khuôn, cứng nhắc (TQ, VN).

Trong thời gian đầu đã xác định và thừa nhận vấn đề sở hữu tư nhân về đất đai, (được giao cho nông dân). Thù ra, ở các nước này việc chuyển giao chế độ của mỗi nước, nhằm tạo sự yên tâm cho các tầng lớp nhân dân. Về diện tích đất canh tác và vấn đề sở hữu đất đai: ở Ba Lan thực hiện khá tốt và triệt để nhưng cũng sớm chuyển đổi nền kinh tế, gia nhập EU (2004). Ở Bulgaria tiến hành cải cách ruộng đất từng bước, linh hoạt, mang lại hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp, gia nhập EU (2007); Ở Nga, quản lý còn lỏng lẻo dẫn đến đầu cơ đất đai.

Để thành công trong chuyển đổi sản xuất nông nghiệp, cần chính sách cải cách hoàn chỉnh, đồng bộ. Thời gian đầu, vấn đề tư hữu hóa đất đai chưa trở thành chủ trương chính thức lâu dài. Bởi, mục tiêu của nhà nước cách mạng là “*đem lại đất đai cho dân cày*”, xóa bỏ chế độ tư hữu đất đai của chế độ cũ. Vì vậy, quan hệ đất đai được hiểu như là vấn đề có tính sách lược trong tình hình cách mạng trước mắt. Mục tiêu nhân dân có quyền sử dụng đất là cao nhất.

2.1.2. Về xây dựng thể chế của cải cách ruộng đất

Cần rà soát để kịp thời xóa bỏ, sửa đổi và ban hành hệ thống luật pháp một cách đồng bộ, hài hòa với thông lệ quốc tế (Bugari, Hunggari,... Nông

ng nghiệp Nga đứng vững và vươn lên trong điều kiện cấm vận của Mỹ và phương Tây). Cần tiến hành rà soát lại hệ thống văn bản pháp luật đã có để xóa bỏ hoặc sửa đổi những văn bản luật pháp không còn phù hợp và ban hành bổ sung những đạo luật còn thiếu theo hướng phù hợp với thông lệ chung của thế giới. Điều này càng trở nên cấp bách khi các nước chuyển sang nền kinh tế thị trường; phát huy được hết nội lực của nền kinh tế và bản thân các doanh nghiệp. Khi đó, các doanh nghiệp các tổ chức kinh tế mới có điều kiện chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế một cách hiệu quả.

2.1.3. Chú trọng phát triển khoa học & công nghệ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Với kinh nghiệm về lai tạo ứng dụng công nghệ cao và chính sách giao quyền sở hữu đất cho nông dân và doanh nghiệp. Vì vậy đã thúc đẩy nghiên cứu KH&CN trong nông nghiệp, tạo ra nhiều loại giống lúa mới¹, hoa quả có năng suất, chất lượng cao hơn, tiết kiệm chi phí, thời gian sản xuất, cũng như rút ngắn quá trình sản xuất trong nông nghiệp. Tạo điều kiện khai thông thị trường đất trong nông nghiệp ... để thúc đẩy quá trình tập trung đất đai trong sản xuất nông nghiệp nhờ đó đã hình thành nhiều nông trại và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hiện đại, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, quy mô sản xuất lớn, tiết kiệm diện tích canh tác trong nông nghiệp .

2.1.4. Về hình thành và phát triển những chủ thể và hình thức kinh doanh mới trong nông nghiệp

Mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống: chủ yếu là hợp tác xã nông nghiệp, nông lâm trường chiếm ưu thế, một phần nhỏ là kinh tế hộ gia đình. Chuyển sang nền kinh tế chuyển đổi, có các hình thức kinh doanh nông nghiệp sau: Doanh nghiệp nông nghiệp; hợp tác xã nông nghiệp; Nông - lâm trường quốc doanh hoạt động kinh doanh có xu hướng giảm số lượng, do quy mô lớn, quản lý, đầu tư vốn, công nghệ chưa tương xứng... Kinh tế hộ gia đình

¹ Có nhiều loại giống lúa chịu phèn mặn cho NS cao.

và nông trại, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài... thích ứng linh hoạt, hiệu quả, có xu hướng tăng số lượng.

2.1.5. Về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của nhà nước trong quá trình chuyển đổi

- Vai trò của Nhà nước là vô cùng quan trọng

*** Trước quá trình chuyển đổi nền kinh tế :**

Trước quá trình chuyển đổi nền kinh tế là sự tồn tại phổ biến và tuyệt đối của chế độ công hữu nên chỉ có doanh nghiệp nông nghiệp và tập thể.

Hoạt động của các chủ thể doanh nghiệp này thường thụ động theo kế hoạch của Nhà nước (thông thường là các kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm xác định nhiệm vụ cho từng đơn vị kinh doanh.

*** Trong nền kinh tế chuyển đổi cần thực hiện cải cách doanh nghiệp theo hướng thị trường**

+ Khuyến khích mô hình kinh doanh tư nhân quy mô nhỏ, chi phí quản lý kinh doanh thấp, linh hoạt và hiệu quả hơn quy mô lớn.

+ Khuyến khích cho doanh nghiệp thuê tài sản của Nhà nước và thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp nông nghiệp trở thành doanh nghiệp cổ phần hoặc cho bán và chuyển một phần những doanh nghiệp không quan trọng đối với vấn đề an ninh quốc gia sang doanh nghiệp tư nhân. Hình thành cách hợp tác xã tiêu thụ làm trung gian cho doanh nghiệp nông nghiệp và người tiêu dùng. Vào những năm 1990, ở LB Nga đã có sự thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước theo hướng thị trường. 1990, Nhà nước thông qua Luật tư nhân hóa *miễn phí Vaucher* (séc – giấy tờ có giá trị thanh toán của Chính phủ) và tài chính tiền tệ đã hình thành các công ty cổ phần, hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, nông trang. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi ở Nga vẫn duy trì một số doanh nghiệp nông nghiệp ở cấp TW và địa phương. 2005, ở Nga vẫn còn 9700 doanh nghiệp thuộc sở hữu liên bang và 4000 doanh nghiệp nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, lãnh đạo chỉ định theo cơ chế bổ nhiệm. kết quả: hoạt động của các doanh nghiệp nông nghiệp

ở cấp TW và địa phương đạt hiệu quả thấp (chỉ có 29% doanh nghiệp nông nghiệp hoạt động hiệu quả). Nhìn chung: Quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế cũ (KHH tập trung) sang mô hình kinh tế mới (thị trường):

+ Đã hình thành cơ cấu doanh nghiệp trên cơ sở các hình thức sở hữu đa dạng;

+ Thời gian đầu, Nhà nước giữ độc quyền trong các ngành năng lượng, ngân hàng, hàng không, cung cấp nước, y tế, thể thao, giáo dục để giữ giá DV thấp... Nhà nước vẫn đảm bảo mức giá DV tối thiểu cho các tầng lớp dân cư có thu nhập sau đó dần dần chuyển sang hoạt động trong môi trường có sự cạnh tranh. Từng bước tư nhân hóa các lĩnh vực nhà ở, y tế, giáo dục... Song, Nhà nước vẫn đảm bảo mức giá DV tối thiểu cho các tầng lớp dân cư có thu nhập thấp, sau khoảng thời gian dần dần doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực trên và chiếm ưu thế. Mặt khác, quan hệ giữa các doanh nghiệp thay đổi theo hướng thị trường, cạnh tranh với sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài. Quá trình chuyển đổi kinh tế đã khắc phục sự mất cân đối về công nghệ thông qua các biện pháp phá sản doanh nghiệp.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nền kinh tế chuyển đổi, chúng ta thấy rằng Việt Nam cần đa dạng các hình thức sở hữu thích hợp, nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách và tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng trong phát triển nông nghiệp.

- Cải cách hệ thống thuế và hải quan

Chính phủ nên ưu tiên cải cách khu vực này một cách nhanh nhất nhằm tạo ra sự thông thoáng cho các doanh nghiệp trong nước hoạt động. Hơn nữa, từ việc minh bạch hoá và lành mạnh hoá trong khu vực này cũng tạo ra sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư ở Việt Nam.

- Phát triển đồng bộ giao thông, dịch vụ viễn thông và các DV hỗ trợ

Nền kinh tế chỉ có thể vận hành thông suốt khi các khu vực đều hoạt động tốt. Chính phủ nên chú trọng đến phát triển đồng bộ hệ thống giao thông, DV viễn thông và các dịch vụ hỗ trợ với tốc độ cao, đi trước một bước

so với nhu cầu của nền kinh tế khoảng 5 đến 10 năm, tránh tình trạng chưa đầu tư đã lạc hậu hoặc các DV này phát triển chậm hơn sự phát triển chung của toàn nền kinh tế .

- Đảm bảo sự ổn định vĩ mô trên lĩnh vực tài chính - tiền tệ

Nhà nước cần coi trọng việc kiểm soát, quản lý và sử dụng tài chính - tiền tệ như một công cụ vĩ mô hữu hiệu để tác động đến nền kinh tế . Nghĩa là vừa phải quản lý lĩnh vực tài chính - tiền tệ nhằm đảm bảo sự ổn định vĩ mô lĩnh vực này, nhưng vừa phải biết sử dụng nó như một công cụ mạnh mẽ tạo động lực thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế phát triển

- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt kế cận có năng lực tư duy mới

Qua nghiên cứu kinh nghiệm chúng ta thấy rằng cần coi trọng đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận có trình độ cao. Trung Quốc quy hoạch và đào tạo cán bộ và chính khách cho 20 năm và lâu hơn, những người này được hoạch định một cách công khai và được sử dụng phù hợp với tài năng và trình độ của họ.

Vì vậy, TQ luôn có một đội ngũ chính khách có tài năng và kinh nghiệm lãnh đạo trong mọi điều kiện và hoàn cảnh của đất nước.

2.2. Định hướng vận dụng cho Việt Nam khi nghiên cứu quan hệ sản xuất nông nghiệp trong các nền kinh tế chuyển đổi.

Quan hệ sản xuất nông nghiệp lịch sử khi bắt đầu đổi mới, lúc đó 3 Chương trình kinh tế lớn được đặt ra bao gồm Chương trình lương thực, Chương trình hàng hóa tiêu dùng và Chương trình hàng hóa xuất khẩu. Đối với Chương trình lương thực, chẳng cần đến một đồng nào bỏ ra để thực hiện tái cấu trúc mà chỉ cần “cởi bỏ rào cản” về chính sách đất nông nghiệp là đã đưa Việt Nam từ một nước thiếu lương thực trở thành một nước trong nhóm 3 nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Đó là việc thay thế mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên quan hệ sản xuất hợp tác xã bằng mô hình dựa trên quan hệ sản xuất hộ gia đình, đất đai nông nghiệp của các hợp tác xã nông nghiệp được giao cho hộ gia đình sử dụng ổn định lâu dài. Rào cản về tính ưu việt hơn của quan hệ sản xuất hợp tác xã đã được vượt qua.

Thực tế của giai đoạn trước 1986, ở phần lớn các địa phương, sản lượng do người nông dân tự cấy trồng trên đất 5% được hợp tác xã giao còn cao hơn tổng sản lượng hợp tác xã làm chung trên 95% đất do hợp tác xã nắm giữ. Tình cảnh đó chính là cơ sở để đưa ra quyết định muốn tăng sản lượng thì cứ giao tất cả đất sản xuất cho hộ gia đình cấy trồng. Chân lý nói chung rất giản dị, nó hiển hiện ngay trong cuộc sống hàng ngày, chỉ có điều người quản lý phải nhận thức đúng được thực chất mới có thể đưa ra các chính sách phù hợp.

Thành công của đổi mới chính sách đất nông nghiệp như vậy đã đi tới kết luận rằng quan hệ sản xuất hợp tác xã bậc cao trên quy mô toàn xã là không phù hợp tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất hiện tại, nhất là sau chiến tranh giải phóng hoàn toàn đất nước. Kết luận như vậy là đúng nhưng chưa đủ chi tiết. Bản thân mô hình quan hệ sản xuất hợp tác xã không hề có lỗi, mô hình này đã đưa Việt Nam lên đỉnh cao về kinh tế nông nghiệp tại khu vực Đông Nam Á vào năm 1961. Nguyên nhân cốt lõi ở đây phải chăng là trình độ quản lý trong quan hệ sản xuất hợp tác xã chưa phù hợp với yêu cầu phòng chống tham nhũng tài sản công - Một vấn đề đang diễn ra nghiêm trọng trong đời sống kinh tế xã hội nước ta hiện nay?

Đối với kinh tế nông nghiệp hiện nay nông nghiệp đang chịu áp lực từ 2 phía: thứ nhất là áp lực từ manh mún đất đai, sản xuất nhỏ, thiếu chuyên nghiệp, năng suất thấp, chất lượng thấp, không tạo được giá trị gia tăng trên nông sản và người nông dân vẫn rất cô đơn trên mảnh đất của mình; thứ hai là áp lực từ tình trạng biến đổi khí hậu đang gây nên những bất thường trong sản xuất như bão lụt, hạn hán, chế độ mưa bất thường, thiếu nước canh tác, v.v. Trong nhiều giải pháp tái cấu trúc kinh tế nông nghiệp đưa ra, một số giải pháp đã tập trung kiến nghị vào đổi mới chính sách đất đai nông nghiệp hướng tới nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tạo năng suất cao trên cơ sở áp dụng nông nghiệp công nghệ cao và mô hình quan hệ sản xuất nào là phù hợp

cho người nông dân hiện tại như hợp tác xã, hay liên kết nông dân - doanh nghiệp, hay tích tụ đất đai theo cơ chế thị trường.

Để có một quyết sách mới cho phát triển nông nghiệp, kể cả đưa ra chính sách đất đai phù hợp, chính sách tạo lập quan hệ sản xuất mới, điều cần quan tâm đầu tiên là chính sách nào sẽ tạo nên động lực cho phát triển. Một chính sách tạo được động lực phải dựa trên nguyên tắc chia sẻ lợi ích từ phát triển. Chia sẻ lợi ích được hiểu bao gồm lợi ích của đất nước (tức là của toàn dân), lợi ích của cộng đồng dân cư địa phương và lợi ích của các bên tham gia vào quá trình sản xuất. Ví dụ như trong mô hình quan hệ sản xuất liên kết nông dân - doanh nghiệp, người nông dân luôn quan tâm tới họ bỏ ra chi phí bao nhiêu và được hưởng lợi bao nhiêu, có công bằng không với chi phí bỏ ra của doanh nghiệp và lợi ích doanh nghiệp được hưởng. Và tất nhiên, tổ chức, triển khai, thực hiện các chính sách ấy phải gắn chặt với công tác quản lý, phòng chống tham nhũng hiệu quả. Như vậy, vấn đề chủ yếu của tái cấu trúc kinh tế nông nghiệp là đưa ra được các chính sách đất đai đổi mới để sao cho tạo được động lực cho phát triển kinh tế nông nghiệp, động lực phải được hình thành trên cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp mà trong đó lợi ích của người nông dân (bên yếu thế) phải được bảo đảm. Từ động lực đó, có thể đưa ra các cơ chế cụ thể để tăng năng suất, sản lượng, chất lượng nông sản với giá trị gia tăng cao.

Có thể thấy động lực sẽ được chính sách đất đai nông nghiệp tạo ra vì đó là chính sách quyết định tới tư liệu sản xuất chính của nông nghiệp. Động lực từ chính sách giao đất nông nghiệp của hợp tác xã cho hộ gia đình đã góp phần tạo nên thành công của đổi mới. Nhưng có thể nói, chính sách này cũng được bổ sung, "làm mới" cho phù hợp với tình hình mới. Bởi vì, hiện nay, người nông dân không thể tự mình làm tăng chất lượng nông sản, làm tăng năng suất và sản lượng trên những thửa đất manh mún của mình. Tiếp cận vốn đầu tư lớn là khó. Hơn nữa, đất sản xuất vẫn còn đang bị giới hạn về thời hạn sử dụng (50 năm) và diện tích sử dụng (hạn điền không quá 10 lần hạn

mức giao đất), nên người nông dân vẫn chưa hình thành được tư duy của một nông dân chuyên nghiệp. Nhiều người suy nghĩ và tính kế làm ăn chỉ mang tính thời vụ trước mắt. Họ cho rằng, dù có tích tụ đất đai nhiều hơn, đầu tư hạ tầng nhiều hơn, áp dụng công nghệ nhiều hơn cũng không chắc chắn được rằng có bị Nhà nước thu mất đất trong tương lai khi hết thời hạn sử dụng.

Để trở thành một nền nông nghiệp sản xuất lớn, cần tạo ra động lực mới cho phát triển. Động lực mới này tiếp tục nằm tại chính sách đất đai nông nghiệp sao cho tập trung, tích tụ được đất đai lâu dài thành những cánh đồng quy mô lớn. Từ đó, chính sách tiếp cận vốn đầu tư để phát triển hạ tầng hiện đại, áp dụng được các thiết bị hiện đại và áp dụng công nghệ cao sẽ từng bước giúp người nông dân xây dựng được nền kinh tế nông nghiệp hiện đại, sản xuất lớn.

Đối với chính sách đất đai nông nghiệp, hiện còn 2 rào cản lớn cần xem xét để vượt qua, đó là thời hạn sử dụng đất nông nghiệp 50 năm và hạn điền không quá 10 lần hạn mức giao đất của Nhà nước. Xóa bỏ được 2 rào cản này sẽ làm cho giá đất nông nghiệp cao hơn so với khi bị những giới hạn đó. Giá đất nông nghiệp cao hơn có nghĩa là tài sản của nông dân có giá trị cao hơn và tài sản đất đai quốc gia cũng lớn hơn, khả năng vốn hóa đất nông nghiệp sẽ hiệu quả hơn cho đầu tư phát triển. Bên cạnh đó, người nông dân muốn làm nông nghiệp cũng không ngại bị Nhà nước thu lại đất khi hết thời hạn, tập trung đất đai cũng dễ dàng hơn, yên tâm đầu tư lớn cho dài hạn. Hạn điền đang kìm hãm quá trình tích tụ đất đai quy mô lớn. Chính sách hạn điền bắt nguồn từ nguyên do không muốn "tầng lớp địa chủ mới" xuất hiện, chỉ có đất để phát canh thu tô. Để không hình thành "địa chủ mới", chúng ta có nhiều chính sách khác như đánh thuế chắt hạn, hay giám sát sử dụng, không nhất thiết phải sử dụng tới chính sách hạn điền. Chính sách hạn điền kìm hãm được việc hình thành "địa chủ mới", nhưng cũng kìm hãm sự phát triển của nông nghiệp. Nên chăng, có thể nghiên cứu chính sách cần cho phép đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối được sử

dụng thời hạn lâu hơn hoặc vô thời hạn như đất ở. Bên cạnh đó, cần đánh thuế cao đối với đất nông nghiệp không đưa vào sử dụng, để hoang hóa. Có thể số thu được không nhiều, nhưng chính sách thuế luôn có mục đích khuyến khích đầu tư phát triển. Bên cạnh 2 chính sách nói trên, cần tiếp tục thực hiện thật tốt việc rà soát đất đai đang do các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp của Nhà nước đang sử dụng không hiệu quả, trái pháp luật như Nghị quyết số 30-NQ/TU của Bộ Chính trị đã ban hành. Các doanh nghiệp này đang nắm giữ một diện tích đất nông nghiệp tới mức 2,6 triệu ha trên cả nước mà nhiều nơi sử dụng không hiệu quả, nhiều trường hợp sử dụng trái pháp luật, giao khoán đất có biểu hiện phát canh thu tô, trong khi đó nông dân địa phương đang thiếu đất sản xuất, tranh chấp đất đai xảy ra ở không ít nơi.

Chính sách đất đai nông nghiệp “giao đất của các hợp tác xã cho hộ gia đình sử dụng ổn định lâu dài” trong giai đoạn bắt đầu đổi mới đã tạo động lực phát triển từ giải phóng sức sản xuất của người nông dân. Khi động lực này đã cạn kiệt, động lực tiếp theo cần xem xét là giải phóng tư liệu sản xuất (đất đai) cho người nông dân để từ đó người nông dân tìm ra những quan hệ sản xuất phù hợp nhằm phát huy động lực mới. Quan hệ sản xuất này hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn luôn cần tới một điều kiện cần là đất đai không manh mún, diện tích đất sản xuất phải đủ rộng để áp dụng được quá trình cơ giới hóa, đầu tư hạ tầng hiệu quả và áp dụng công nghệ cao. Chính sách Nhà nước thu hồi đất của ta được coi như rất tiến bộ so với nhiều nước khác trong khu vực Đông Nam Á cũng như thế giới. Kể từ Luật Đất đai 2003, Nhà nước không cho phép thu hồi đất của nông dân để giao cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp. Đây là chính sách bảo hộ rất tốt cho nông dân trong sản xuất nông nghiệp. Doanh nghiệp không thể vận dụng cơ chế hành chính để lấy đất của nông dân, chỉ còn có cách hợp tác với nông dân để tiếp cận đất đai và tạo ra lợi ích cho cả hai bên. Nói cách khác, từ mặt bằng đất đai rất manh mún sau khi Nhà nước thực hiện giao đất

của hợp tác xã cho hộ gia đình nông dân, Nhà nước cần hình thành các chính sách phù hợp để tập hợp đất đai thành các cánh đồng rộng lớn.

Trong các nghiên cứu ở nước ta, các nhà khoa học và quản lý đã phân biệt quá trình tập hợp này thành 2 trường hợp: thứ nhất là tập hợp được đất đai nhưng không làm thay đổi chủ sử dụng đất, được gọi là “tập trung đất đai”, dựa chủ yếu vào các quyền chuyển đổi, cho thuê, góp vốn hoặc hợp tác sản xuất; thứ hai là tập hợp được đất đai nhưng làm thay đổi chủ sử dụng đất, được gọi là “tích tụ đất đai”, dựa chủ yếu vào quyền chuyển nhượng. Quá trình “tập trung” hay “tích tụ” đất đai có liên quan tới việc tạo lập các quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp. Từ những thử nghiệm thực tế tại nhiều địa phương như Lâm Đồng, Hà Nam, An Giang, Thanh Hóa, Sơn La, v.v. có thể đưa ra một số kết luận bước đầu về mô hình quan hệ sản xuất nào là phù hợp.

Mô hình dồn điền, đổi thửa

Sau khi giao đất của hợp tác xã nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân trên nguyên tắc bảo đảm công bằng “có tốt - có xấu, có gần - có xa, có cao - có thấp” đã gây ra tình trạng quá manh mún đất đai. Mỗi hộ gia đình có rất nhiều thửa đất nhỏ, mỗi thửa chỉ vài chục mét vuông. Ngay từ khi Luật Đất đai 1993 có hiệu lực thi hành, nhiều địa phương đã thực hiện quá trình người nông dân thương thảo để đổi đất cho nhau để mỗi hộ có chỉ hai hay ba thửa đất lớn. Quá trình này được gọi là “dồn điền, đổi thửa” để khắc phục một bước tình trạng manh mún đất đai, thuộc phạm vi tập trung đất đai, không ai bị mất đất, tạo hiệu quả canh tác cao hơn đối với từng hộ nông dân. Nói chung, mô hình “dồn điền, đổi thửa” thành công ở nhiều nơi nhưng cũng có thất bại xảy ra khi cán bộ lợi dụng để lấy những thửa đất tốt và dồn đất xấu cho dân. Mô hình “dồn điền, đổi thửa” lại được áp dụng mạnh mẽ trong mấy năm qua khi triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới với phạm vi rộng hơn sắp xếp lại quỹ đất sao cho phù hợp với quy hoạch. Tất nhiên, khả năng tạo cánh đồng lớn “dồn điền, đổi thửa” là không cao vì sau dồn đổi cũng

không vượt quá được tổng diện tích đất được giao. Mô hình này chỉ có thể được coi là sự khởi đầu của quá trình “tập trung đất đai”.

Mô hình trang trại hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, doanh nghiệp hộ gia đình

Theo quy luật chung trên thế giới, mô hình trang trại quy mô lớn của hộ gia đình, nhóm hộ gia đình hay doanh nghiệp hộ gia đình được coi như cách thức phù hợp để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Cách thức mở rộng đất đai dựa trên cả cơ chế “tập trung” và “tích tụ”. Một nhóm hộ có thể góp đất đai là trang trại chung, họ có thể tiếp tục thuê đất hoặc nhận góp vốn bằng đất của các hộ khác không có nhu cầu làm nông nghiệp, hoặc nhận chuyển nhượng của những hộ hoàn toàn muốn rời bỏ nông nghiệp. Các hộ này có thể thành lập doanh nghiệp hoặc không thành lập doanh nghiệp tùy theo hướng phát triển của trang trại. Mô hình trang trại như vậy đã được hình thành và vận hành ở khá nhiều địa phương do nhiều nông dân có trình độ khởi xướng. Đây là mô hình phát triển mang tính tự nhiên, nhưng phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, năng lực của những nông dân tiên tiến, thực sự muốn đi lên, làm giàu từ nông nghiệp. Các trang trại lớn đang được hình thành và phát triển mạnh trên cơ sở áp dụng nông nghiệp công nghệ cao tại Lâm Đồng, An Giang, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, v.v.

Mô hình hợp tác xã kiểu mới

Sự thực, người nông dân cũng có những định kiến nhất định về mô hình hợp tác xã trong thời kỳ kinh tế bao cấp, không tin cậy khi mà rủi ro tham nhũng có thể xảy ra mà các xã viên không thể kiểm soát được. Trong thời gian qua, một số mô hình hợp tác xã kiểu mới đã được hình thành. Hợp tác xã chỉ giúp các hộ xã viên những khâu dịch vụ như cung cấp cây, con giống; tìm kiếm quy trình sản xuất hiện đại; hay tập trung tiếp cận thị trường để bao tiêu sản phẩm. Các hộ gia đình vẫn tự canh tác trên đất đai của mình theo một quy trình sản xuất được hợp tác xã hướng dẫn.

Mô hình các hợp tác xã kiểu mới như vậy đã được thành lập và vận hành ở Sơn La, Đà Lạt (Lâm Đồng) và cũng đã mang lại một số kết quả tốt. Mặc dù vậy, trên thực tế cho thấy mô hình này chưa có sức hút lớn đối với các hộ nông dân, chưa thể khẳng định được vai trò chủ đạo trong phát triển nông nghiệp quy mô lớn dựa trên công nghệ cao, hạ tầng hiện đại.

Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp nông nghiệp chuyên nghiệp và các hộ nông dân

Đây là mô hình được bàn đến và khuyến khích thử nghiệm trong vài năm qua mang tên “cánh đồng mẫu lớn” hay “cánh đồng lớn”. Thử nghiệm đầu tiên được thực hiện tại An Giang với sự tham gia của Công ty Bảo vệ thực vật An Giang. Đồng thời, tại Lâm Đồng, doanh nghiệp nông nghiệp tư nhân Phong Thúy cũng đã có mô hình hợp tác sản xuất với các hộ nông dân sản xuất rau và hoa mang lại hiệu quả rất cao. Vài năm qua, mô hình góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Tập đoàn Cao su để phát triển cao su tại Sơn La dưới sự lãnh đạo của UBND tỉnh cũng là một mô hình đang được vận hành. Tại Hà Nam, một mô hình UBND cấp huyện thuê lại đất của nông dân để cho doanh nghiệp nông nghiệp tư nhân thuê lại để phát triển nông nghiệp công nghệ cao cũng đang được phát triển. Theo đánh giá chung, hợp tác giữa doanh nghiệp và cộng đồng nông dân là mối quan hệ sản xuất có triển vọng nhất dựa trên nguyên tắc nông dân có đất, doanh nghiệp có tài chính và công nghệ để nâng năng suất, sản lượng và chất lượng nông sản./.

KẾT LUẬN

Trong nhiều quốc gia thực hiện nền kinh tế chuyển đổi trong nông nghiệp, khi nông nghiệp tăng trưởng chậm lại, giá nông sản tăng lên, làm ảnh hưởng đến mức lương thực tế trên thị trường lao động của đô thị và công nghiệp, chính phủ các nước phải quay lại điều chỉnh chính sách với nông nghiệp, nhằm phát triển nông nghiệp bền vững. Trên cơ sở đó, Việt Nam với một nước sản xuất nông nghiệp là chủ yếu và cũng là một trong những lợi thế so sánh của nước ta đối với thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế. Để trở thành một nước có nền sản xuất nông nghiệp quy mô lớn luôn cần tới một điều kiện cần là đất đai không manh mún, diện tích đất sản xuất phải đủ rộng để áp dụng được quá trình cơ giới hóa, đầu tư hạ tầng hiệu quả và áp dụng công nghệ cao. Với kinh nghiệm từ những nước có nền kinh tế chuyển đổi và quá trình đổi mới kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam cho thấy rằng cần phải có những cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện cho quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp thì mới giải phóng được sức sản xuất nông nghiệp của nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. VK ĐH Đảng toàn quốc lần thứ IX, X, XI, XII của ĐCS VN;
2. Đề cương giáo trình môn học *Nền kinh tế chuyển đổi* (chương trình cao học), Viện KINH TẾ CT học, Học viện CTQG HCM, 2016.
3. Nguyễn Xuân Thắng (2003), *Một số xu hướng phát triển chủ yếu hiện nay của nền KINH TẾ thế giới*, NXB khoa học và kỹ thuật, HN.
4. Tăng, N. T: *Trung Quốc cải cách và mở cửa*, Trung tâm KHXÃ HỘI và nhân văn quốc gia, TT nghiên cứu Trung Quốc, 2001
5. Trung tâm nghiên cứu Chiến lược Trung Quốc: *Chiến lược phát triển của Trung Quốc trong thế kỷ XXI*, Nxb Khai Ích, Hồng Kông, 2001.
6. Sơn, N. T “*Khám phá nông nghiệp Trung Quốc*”, Báo nông nghiệp Việt Nam, số 175 – 176, 2001.